TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGUYÊN BÌNH
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12-11-2019
V/v: tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGUYÊN BÌNH, TỈNH CAO BẰNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Lịch

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Lê

Bà Hoàng Kim Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng: Bà Nông Thị Bích Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2019/TLSTHNGĐ ngày 08/7/2019 về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung và chia tài sản chung, các khoản nợ chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 25/10/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thu P; sinh năm 1987;

Nghề nghiệp: Lao động tự do

Trú tại: Xóm V, xã C, huyện B, Cao Bằng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nông Kim T, sinh năm 1983;

Nghề nghiệp: Không

Trú tại: Xóm V, xã C, huyện B, Cao Bằng.

Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, Chi nhánh Cao Bằng, Phòng giao dịch huyện B, Cao Bằng; Người đại diện ủy quyền là ông: Lương Thanh H; Giám đốc Phòng giao dịch. Vắng mặt.

2. Ngân hàng Agribanhk, Chi nhánh huyện B, Cao Bằng, Phòng giao dịch Tĩnh Túc; người đại diện ủy quyền là ông Trần Văn H; Phó giám đốc phụ trách Phòng giao dịch Tĩnh Túc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/6/2019 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình - Nguyên đơn chị Đặng Thu P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thu P kết hôn với anh Nông Kim T từ cuối năm 2004, hôn nhân được tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng chung sống bình thường được khoảng 01 năm, đến năm 2005 thì tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T lười biếng không chịu khó làm ăn, giúp chị chăm sóc con, thường hay tụ tập rượu chè, mỗi khi say rượu lại gây sự chửi mắng đánh đập, đập phá tài sản trong gia đình, ngoài ra anh còn hay lấy trộm đồ đạc tài sản của vợ chồng trong nhà đem bán lấy tiền chi tiêu cá nhân anh; chị đã khuyên bảo anh nhiều lần nhưng anh T vẫn không tiếp thu mà trái lại anh còn chửi mắng đánh đập chị, vì các con chị vẫn nhẫn nhịn chịu đựng bỏ qua cho anh. Việc mâu thuẫn vợ chồng chị cũng đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không khắc phục được. Năm 2017 thì tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, đến năm 2018 chị phải dựng lán ra ở riêng và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Hiện tại chị nhận thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng không thể khắc phục, chị cương quyết yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Tại Biên bản ghi lời khai và biên bản hòa giải ngày 24/10/2019 của bị đơn anh Nông Kim T trình bày: Về phần thủ tục kết hôn anh nhất trí như lời khai của chị P. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường mặc dù trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng đôi lúc cũng có mâu thuẫn nhỏ, đến năm 2017 thì mới xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là khi anh bị tai nạn, đau chân, đi lại khó khăn không đi làm việc được, chị P không quan tâm đến anh, mặt khác từ lúc có điện thoại chị P thường hay nhắn tin, gọi điện với người khác nên mới dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, anh T thừa nhận sự việc mâu thuẫn vợ chồng hai bên gia đình đều biết nhưng chưa tiến hành hoà giải lần nào và anh cũng chưa có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị P yêu cầu ly hôn anh không đồng ý và thiết tha mong chị P trở về đoàn tụ vợ chồng.

Về con chung: Chị P, anh T có 02 con chung là Nông Quốc M, sinh ngày 05/12/2005 và Nông Thị Ngọc H, sinh ngày 12/10/2011, hiện cả hai cháu đang ở cùng chị P. Tại bản tự khai của cháu M và cháu H đều có nguyện vọng được ở với chị P. Tại biên bản hòa giải ngày 24/10/2019 chị P anh T thỏa thuận sau khi ly hôn chị P là người được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả 02 con chung cho đến 18 tuổi và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, anh T đồng ý với yêu cầu nuôi con của chị P.

Về tài sản chung: Chị P, anh T khai có 01 ngôi nhà cấp 4 chia 03 gian trị giá khoảng 50.000.000,đ *(Năm mươi triệu đồng)* do phần đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên anh chị yêu cầu tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các khoản nợ chung: Chị P, anh T xác nhận có vay Ngân hàng chính sách xã hội Phòng giao dịch huyện B, tỉnh Cao Bằng số tiền là 45.000.000,đ *(Bốn mươi năm triệu đồng)* và Ngân hàng Agribank Chi nhánh huyện B, Cao Bằng, Phòng giao dịch Tĩnh Túc là 10.000.000,đ *(Mười triệu đồng).* Tổng cộng số tiền chị P và anh T còn nợ Ngân hàng là 55.000.000,đ *(Năm mươi năm triệu đồng).* Chị P anh T nhất trí tự thỏa thuận mỗi người chịu một nửa (½) số tiền còn nợ Ngân hàng và khoản tiền lãi phát sinh.

Người có nghĩa vụ quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Tại các bản trình bày ý kiến cũng như trong đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày như sau:

1. Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, Chi nhánh Cao Bằng, Phòng giao dịch huyện B, Cao Bằng; Người đại diện theo ủy quyền là ông: Lương Thanh H; Giám đốc Phòng giao dịch xác nhận phía Ngân hàng có giao dịch và lập hợp đồng tín dụng theo chương trình cho vay Hộ dân tộc thiểu số theo quyết định 755 (Hộ nghèo) ngày 13/9/2015 giữa Ngân hàng và hộ gia đình anh Nông Kim T có địa chỉ tại V, C, Nguyên Bình, Cao Bằng với số tiền là 45.000.000,đ *(Bốn mươi năm triệu đồng)*. Trường hợp hai anh chị P, T ly hôn, phía Ngân hàng cùng nhất trí sự thỏa thuận của hai anh chị là mỗi người sẽ có trách nhiệm thanh toán tiền nợ là lãi cho Ngân hàng mỗi người ½ *(một phần hai)* số dư nợ.

2. Ngân hàng Agribanhk, Chi nhánh huyện B, Cao Bằng, Phòng giao dịch Tĩnh Túc; người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Văn H; Phó giám đốc phụ trách Phòng giao dịch Tĩnh Túc xác nhận phía Ngân hàng có giao dịch và lập hợp đồng tín dụng số 8307-LAV-201900130 ngày 31/01/2019 giữa Ngân hàng và hộ gia đình anh Nông Kim T có địa chỉ tại V, C, Nguyên Bình, Cao Bằng với

số tiền là 10.000.000,đ *(Mười triệu đồng)*. Trường hợp hai anh chị P, T ly hôn, phía Ngân hàng cùng nhất trí sự thỏa thuận của hai anh chị là mỗi người sẽ có trách nhiệm thanh toán tiền nợ là lãi cho Ngân hàng mỗi người ½ *(một phần hai)* số dư nợ.

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm, ý kiến của mình.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện B:

- Về thủ tục tố tụng, việc thụ lý vụ án cũng như việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia phiên tòa diễn ra đúng trình tự, thủ tục tố tụng: thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ đầy đủ, giao nhận tài liệu đúng theo trình tự pháp luật quy định

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

+ Chị Đặng Thị P được ly hôn anh Nông Kim T.

+ Về con chung: Ghi nhận việc Chị P anh T nhất trí thỏa thuận chị P được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nông Quốc M, sinh ngày 05/12/2005 và Nông Thị Ngọc H, sinh ngày 12/10/2011 cho đến đủ 18 tuổi. Chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

+ Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

+ Nợ chung: Do nguyên đơn, bị đơn thỏa thuận được cùng nhau là sau khi ly hôn mỗi người chịu nghĩa vụ đối với ½ *(một phần hai)* số dư nợ. Đại diện Ngân hàng Chính sách xã hội Phòng giao dịch Nguyên Bình, Cao Bằng và Ngân hàng Agribank chi nhánh Nguyên Bình, Phòng giao dịch Tĩnh Túc nhất trí với thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn nên cần ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, xét thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Đặng Thu P khởi kiện xin ly hôn với anh Nông Kim T. Anh T có địa chỉ thường trú tại

xóm V, xã C, huyện B, tỉnh Cao Bằng nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

[2] Về tố tụng: Anh Nông Kim T và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình tố tụng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về hôn nhân: Chị Đặng Thu P và anh Nông Kim T tổ chức kết hôn từ năm 2004, trên cơ sở hôn nhân được tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, Cao Bằng. Do vậy xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh T là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử nhận thấy: Quan hệ hôn nhân cần được xây dựng trên nền tảng của sự sẻ chia, hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau để cùng nuôi dạy con chung. Việc để hôn nhân rạn nứt hoạc tan vỡ giữa chị P, anh T phần lớn do lỗi của anh T bởi quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xung đột với nhau. Từ năm 2017 đến năm 2018 anh T đã không có biện pháp hoặc chủ động gặp chị P để hàn gắn tình cảm vợ chồng, năm 2018 chị P đã phải dựng lán ra ở riêng và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng chị P anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị P là chính đáng, cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị Đặng Thu P đối với anh Nông Kim T là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Đặng Thu P và anh Nông Kim T cùng xác nhận có 02 con chung tên Nông Quốc M, sinh ngày 05/12/2005 và Nông Thị Ngọc H, sinh ngày 12/10/2011, cháu M và cháu H có ý kiến trường hợp bố mẹ ly hôn, đều có nguyện vọng được theo mẹ, chị P anh T cùng nhất trí thỏa thuận sau khi ly hôn chị P yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con và anh T không cấp dưỡng nuôi con. Sự thỏa thuận này là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội nên cần ghi nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự.

[5] Về tài sản chung: Chị P, anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[6] Về nợ chung: Vợ chồng chị P, anh T có vay Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam Phòng giao dịch huyện B, Cao Bằng số tiền là 45.000.000,đ *(Bốn mươi năm triệu đồng)* và vay Ngân hàng Agribank Chi nhánh huyện B, Phòng

giao dịch Tĩnh Túc số tiền là 10.000.000,đ *(Mười triệu đồng)*. Tổng cộng là 55.000.000,đ *(Năm mươi năm triệu đồng)*. Số tiền vay anh chị đều xác nhận sử dụng chung vào việc xây ngôi nhà cấp 4.

Tại biên bản hòa giải ngày 24/10/2019 Chị Đặng Thu P và anh Nông Kim T nhất trí thỏa thuận nếu ly hôn chị P và anh T mỗi người sẽ có trách nhiệm trả nợ tương ứng với nghĩa vụ của mình là mỗi người chịu ½ *(Một phần hai)* số tiền còn vay nợ Ngân hàng, cụ thể:

Chị P và anh T mỗi người phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Chi nhánh Cao Bằng, Phòng giao dịch Nguyên Bình là 22.500.000,đ *(Hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng),* phải trả cho Ngân hàng Agribank Chi nhánh huyện B, Phòng giao dịch Tĩnh Túc mỗi người là 5.000.000,đ *(Năm triệu đồng)*. Tổng cộng mỗi người phải trả là 27.500.000,đ *(Hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng)* và khoản tiền lãi phát sinh.

Đại diện Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, chi nhánh Cao Bằng, Phòng giao dịch Nguyên Bình và đại diện Ngân hàng Agribank chi nhánh Nguyên Bình, Phòng giao dịch Tĩnh Túc đồng ý với thỏa thuận trả nợ của chị P, anh T và phán quyết định của Tòa án, nên cần ghi nhận sự tư nguyện thỏa thuận về nghĩa vụ trả nợ chung của của các đương sự là phù hợp với quy định tại điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

[7] Đối với phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình tại phiên toà xét thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[8] Về án phí: Chị P anh T thuộc hộ nghèo nên được miễn tiền án phí theo quy định tại Điều 12; 14; 15 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí có giá ngạch đối với chị Đặng Thu P và anh Nông Kim T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập nên không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228 điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 37; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thu P được ly hôn anh Nông Kim T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 42 ngày 24/12/2004 do Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Cao Bằng cấp không còn giá trị pháp lý kể từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc Chị Đặng Thu P được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là Nông Quốc M, sinh ngày 05/12/2005 và Nông Thị Ngọc H, sinh ngày 12/10/2011 đến khi các con đủ 18 tuổi và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T được quyền đi lại thăm nom con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Chị P anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Về các khoản nợ chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc thỏa thuận trả nợ của chị P anh T cụ thể như sau:

- Chị Đặng Thu P có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, Chi nhánh Cao Bằng, Phòng giao dịch Nguyên Bình là 22.500.000,đ *(Hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng);* trả cho Ngân hàng Agribank, Chi nhánh Nguyên Bình, Cao Bằng, Phòng giao dịch Tĩnh Túc số tiền 5.000.000,đ *(Năm triệu đồng).* Tổng cộng là 27.500.000,đ *(Hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng)* và khoản tiền lãi phát sinh.

- Anh Nông Kim T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, Chi nhánh Cao Bằng, Phòng giao dịch Nguyên Bình là 22.500.000,đ *(Hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng);* trả cho Ngân hàng Agribank, Chi nhánh Nguyên Bình, Cao Bằng, Phòng giao dịch Tĩnh Túc số tiền là 5.000.000,đ *(Năm triệu đồng).* Tổng cộng là 27.500.000,đ *(Hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng)* và khoản tiền lãi phát sinh.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

5. Về án phí: Chị Đặng Thu P và anh Nông Kim T được miễn toàn bộ tiền án phí sơ thẩm và tiền án phí có giá ngạch theo quy định.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

Án xử công khai, báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Nguyên Bình;
- Chi cục THADS huyện Nguyên Bình;
- UBND xã C;
- Đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thu Lịch